

BÀI 2. XÓA KÝ TỰ

Một xâu kí tự được gọi là một xâu đối xứng nếu đọc xâu đó từ trái sang phải cũng giống như đọc từ phải sang trái. Ví dụ, các xâu “aba”, “madam”, “a” là các xâu đối xứng; các xâu “abc”, “abba”, “ab” không phải là xâu đối xứng.

Cho xâu kí tự St gồm N kí tự thuộc tập chữ cái latin thường. Thực hiện xóa các kí tự ở bên trái, bên phải (cũng có thể chỉ xóa các kí tự ở một bên) của xâu St sao cho:

- Tổng số các kí tự bị xóa bằng K .
- Các kí tự còn lại tạo thành một xâu đối xứng.

Ví dụ:

- Cho xâu $St = \text{“abbc”}$, $K = 2$, ta có thể xóa 1 kí tự bên trái và 1 kí tự bên phải để nhận được xâu “bb” là xâu đối xứng;
- Cho xâu $St = \text{“aabc”}$, $K = 2$, ta có thể xóa 0 kí tự bên trái và 2 kí tự ở bên phải để nhận được xâu “aa” là xâu đối xứng;
- Cho xâu $St = \text{“aabbb”}$, $K = 2$, ta có thể xóa 2 kí tự ở bên trái và 0 kí tự bên phải để nhận được xâu “bbb” là xâu đối xứng;
- Cho xâu $St = \text{“abcde”}$, $K = 2$, ta không thể xóa 2 kí tự ở 2 bên (trái, phải) của xâu St để nhận được xâu đối xứng.

Yêu cầu: Hãy đưa ra xâu đối xứng nhận được sau khi xóa K kí tự thuộc bên trái, bên phải của xâu St .

Dữ liệu cho trong file văn bản **EraseChar.Inp** gồm:

- Dòng thứ nhất ghi 2 số nguyên dương N và K .
- Dòng thứ hai ghi xâu kí tự gồm N kí tự thuộc tập chữ cái latin thường.

Kết quả ghi ra file văn bản **EraseChar.Out** là xâu đối xứng nhận được sau khi xóa K kí tự thuộc bên trái, bên phải của xâu St . Nếu có nhiều cách xóa, hãy đưa ra xâu đối xứng nhận được trong một cách xóa bất kì, nếu không có cách xóa, hãy đưa ra “No”.

Ví dụ:

EraseChar.Inp	EraseChar.Out	Giải thích
6 3 aabbbe	bbb	Xóa 2 kí tự “aa” bên trái và 1 kí tự ‘e’ bên phải.
6 3 abcdsd	dsd	Xóa 3 kí tự “abc” bên trái.
6 3 aaefgd	No	Không có cách xóa.

Giới hạn:

- Có 80% số test ứng với $1 \leq K < N \leq 255$;
- Có 20% số test ứng với $1 \leq K < N \leq 2000$.